

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2023/HC-PT

Ngày 18/8/2023.

*V/v khiếu kiện hành vi hành  
chính trong lĩnh vực quản lý  
đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Kim Liên

*Các Thẩm phán:* ông Vũ Thanh Liêm

ông Trần Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Thế Trường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 119/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2631/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** bà Tô Thị V, sinh năm 1937.

Địa chỉ: tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Lê Văn M, sinh năm 1972 (được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2022).

Địa chỉ: K404/14 đường H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Võ Minh V1 - Phó Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền số 798/QĐ-UBND ngày 31/3/2022).

Địa chỉ trụ sở: tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** UBND phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Ngọc Th - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường N.

Địa chỉ: phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** người khởi kiện bà Tô Thị V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2021, các đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15/10/2021, ngày 19/11/2021, ngày 21/01/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm; người khởi kiện bà Tô Thị V và người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị V trình bày:*

Bà là người sử dụng đất thừa số 76c, diện tích 75m<sup>2</sup> tại tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Đất có nguồn gốc do bà mua của bà Nguyễn Thị M vào ngày 24/4/1989, được UBND thị trấn Đ chứng thực ngày 25/4/1989 và được UBND thị trấn Đ chứng nhận về hồ sơ. Trong giấy “Văn bản nhượng bán nhà ở, hai bên đồng ý dưới đây” thì diện tích mua bán là 75m<sup>2</sup>.

Đến năm 2000, khi thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A đoạn Quảng Ngãi - Nha Trang (gọi tắt là dự án ADB.3) đã thu hồi đất tại thửa đất số 51, mảnh bản đồ gốc TT2 (nay là thửa đất số 76c) của bà. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất của dự án, bà bị tai nạn giao thông phải nằm bệnh viện tại thành phố Hồ Chí Minh nên chưa nhận tiền bồi thường.

Trước đó, cơ quan Nhà nước có làm việc với bà để ký xác nhận diện tích bị ảnh hưởng và sau đó đã lấy đất của bà làm đường nên bà biết đã có việc bồi thường xảy ra nhưng không biết lúc nào vì thời điểm bà phải điều trị bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh. UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) thu hồi đất của bà làm đường nhưng không cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại cho bà.

Ngày 05/7/2020, bà có đơn yêu cầu chi trả tiền bồi thường. Ngày 28/8/2020, Chủ tịch UBND thị xã Đ ban hành văn bản số 2470/UBND-QLĐT cho rằng hồ sơ chi trả tiền bồi thường đã thất lạc và từ năm 2003 đến nay, bà không có ý kiến gì về việc bồi thường là không đúng; hộ khác nhận tiền là do họ có mặt tại địa phương, còn bà bị tai nạn phải điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh (trong năm 2002) nên không nhận tiền bồi thường được (hồ sơ bệnh án đã bị thất lạc nhưng đây là thực tế). Vì không được nhận tiền bồi thường nên bà không biết gì và không nhận được

bất kỳ quyết định nào liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường. Bà căn cứ vào biên bản kiểm kê nên biết thu hồi của bà 13,065m<sup>2</sup> đất. Bà nhiều lần yêu cầu UBND thị xã Đ cung cấp thông tin là hồ sơ giải quyết bồi thường nhưng UBND thị xã Đ không cung cấp mà trả lời là hồ sơ bị thất lạc. Bà nhận thấy UBND thị xã Đ đã vi phạm pháp luật về lưu trữ và trả lời không đúng sự thật. Thực tế bà chưa nhận tiền bồi thường nên không có hồ sơ.

Tại thời điểm thu hồi đất, thửa đất của bà chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thửa đất của bà lúc chưa thu hồi đất là 75m<sup>2</sup>. Theo pháp luật thì sau khi thu hồi đất thì Nhà nước cấp sổ đỏ cho người bị thu hồi đất. Sau khi bà điều trị bệnh về quê thì bị vướng vào việc tranh chấp đất đai từ đó đến nay với mẹ con bà C, bà L1 nên chưa nghĩ đến việc yêu cầu chi trả tiền bồi thường. Sau nhiều lần có đơn yêu cầu cung cấp hồ sơ bồi thường thì UBND thị xã Đ ban hành văn bản số 2470 trả lời cho bà là thất lạc hồ sơ. Đây là chứng cứ chứng minh bà gửi đơn nhiều lần, bà không còn lưu giữ đơn nên không thể cung cấp cho Tòa.

Theo quy định của pháp luật thì sau khi Nhà nước thu hồi đất phải tự mình lập thủ tục và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại cho người bị thu hồi đất. Trong trường hợp vì lý do khách quan, có sự chênh lệch về diện tích đất thì cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn bà yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai để có cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà mới đúng theo pháp luật; nhưng không cơ quan nào hướng dẫn bà làm thế nào để đảm bảo đúng diện tích. Bà rất bức xúc vì đã hơn 20 năm nay mà quyền lợi của bà không được giải quyết. Bà Hoàng Thị C là mẹ chồng của bà Nguyễn Thị Kim L1, là người đang quản lý và sử dụng thửa đất giáp ranh với thửa đất của bà nên liên quan đến nội dung đơn kiện này của bà.

Vì diện tích còn lại của thửa đất của bà có liên quan trực tiếp đến việc thu hồi đất, cụ thể khi có hồ sơ thu hồi đất thì sẽ biết thửa đất của bà bị thu hồi bao nhiêu mét vuông; lấy diện tích đất theo hồ sơ mà bà có được trừ diện tích đất bị thu hồi thì sẽ ra diện tích còn lại của bà. Bà yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và không chi trả tiền bồi thường cho bà do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện Dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi và hành vi chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 nêu trên (còn diện tích bao nhiêu thì còn phải căn cứ vào hồ sơ bồi thường để quyết định nên cho đến nay bà không thể nêu ra được con số chính xác nhưng theo diện tích thửa đất của bà thì sau khi thu hồi 13,065m<sup>2</sup> thì thửa đất này còn lại 61,935m<sup>2</sup>) sau khi thu hồi đất của UBND

huyện Đ là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND thị xã Đ phải cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho bà theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Biên bản làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh ngày 22/9/2022, bà V trình bày: bà đã nhận được tiền đền bù, hỗ trợ về đất đai và tài sản do hộ bà bị ảnh hưởng bởi Dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ. Do đó, nội dung khởi kiện của bà là yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường đối với Dự án mở đường thoát nước là hành vi hành chính trái pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 14/02/2023, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo Đơn khởi kiện, không thay đổi yêu cầu khởi kiện như ý kiến của bà V ngày 22/9/2022, tức là không yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường đối với Dự án mở đường thoát nước là hành vi hành chính trái pháp luật; đồng thời đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc chậm chi trả tiền bồi thường cho bà Tô Thị V do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND thị xã Đ bồi thường thiệt hại cho bà Tô Thị V do hành vi chậm chi trả tiền bồi thường gây ra với số tiền là 14.683.746đồng.

- Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 14/QĐ-UB ngày 16/01/2001 của UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất ở giữa bà Tô Thị V và bà Hoàng Thị C, Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết về đất đai của bà Tô Thị V.

*\* Tại văn bản số 1186/UBND ngày 03/6/2022 và Biên bản làm việc ngày 27/10/2022, người bị kiện UBND thị xã Đ trình bày:*

- Đối với việc không cung cấp hồ sơ bồi thường, chi trả tiền bồi thường cho bà Văn do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ): dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ) được UBND thị xã giao phòng Quản lý đô thị lưu giữ hồ sơ. Qua kiểm tra, sao lục, xác nhận có hồ sơ bồi thường hộ bà V, địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), hồ sơ bao gồm: hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản kiểm kê và

biên bản đền bù, hỗ trợ đất và tài sản bị ảnh hưởng. Riêng hồ sơ chi trả tiền bồi thường đối với hộ bà V đã thất lạc, không tìm thấy.

Mặt khác, tại thời điểm này, đoạn qua phường N, khi triển khai thực hiện dự án tất cả các hộ dân khác đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án trong đó có hộ bà V. Từ năm 2003 đến nay, hộ bà V không có ý kiến, kiến nghị gì liên quan đến dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1, giai đoạn 2000-2003; đến tháng 7/2020 mới có đơn khiếu nại. Ngày 28/8/2020, UBND thị xã Đ đã trả lời đơn và cung cấp hồ sơ cho bà V tại Công văn số 2470/UBND-QLĐT.

Như vậy, việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường, chi trả tiền bồi thường cho bà V do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ) là hành vi trái pháp luật là không có cơ sở pháp lý.

- Đối với việc chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 nêu trên sau khi thu hồi của UBND huyện Đ:

Trước đây, bà V có tranh chấp đất với bà Hoàng Thị C cùng ở khối 2, thị trấn Đ. Vụ việc được UBND huyện Đ giải quyết tại Quyết định số 14/QĐ-UB ngày 16/01/2001 “Về việc giải quyết tranh chấp đất ở giữa bà Tô Thị V và bà Hoàng Thị C ở khối 2, thị trấn Đ”. Bà V tiếp tục khiếu nại và được UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002 về “Giải quyết đơn khiếu nại về đất đai của bà Tô Thị V ở khối 2, thị trấn Đ, huyện Đ”. Nội dung cơ bản của Quyết định: “Điều 1. Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Tô Thị V đòi quyền sử dụng diện tích đất 25,12m<sup>2</sup> thuộc thửa 257, tờ bản đồ số 11, thị trấn Đ vì diện tích 75m<sup>2</sup> ghi trong giấy nhượng bán nhà ở giữa bà Nguyễn Thị M và bà V ngày 24/4/1989 là không đúng với thực tế và không có cơ sở để giải quyết tranh chấp. Điều 2. Công nhận Quyết định số 16/QĐ-UB ngày 16/01/2001 của UBND huyện Đ về giải quyết tranh chấp đất giữa bà Tô Thị V và bà Hoàng Thị C là đúng pháp luật. Điều 3. Giao UBND huyện Đ: (1) Có văn bản giải thích cho bà V về ý kiến chứng thực việc mua bán nhà được UBND huyện xác nhận ngày 13/5/1989. (2) Quyết định xử lý 25,12m<sup>2</sup> ghi tại Điều 1 Quyết định này và giao cho người có nhu cầu sử dụng theo đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành...”.

Trong quá trình thực hiện Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002, bà V cũng làm đơn xin sử dụng diện tích đất này, bà V cho rằng đất này không phải của bà C và bà là người có nhu cầu sử dụng phần diện tích này và yêu cầu giải quyết giao 25,12m<sup>2</sup> đất cho bà thì UBND tỉnh đã có Công văn số 3463/UBND-NC ngày 12/6/2017 về việc chỉ đạo thực hiện Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002

của Chủ tịch UBND tỉnh, không công nhận nội dung khiếu nại của bà Tô Thị V đòi quyền sử dụng đất 25,12m<sup>2</sup>, giao UBND huyện Đ hướng dẫn các đồng thừa kế của bà Hoàng Thị C cử đại diện lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 25,12m<sup>2</sup> (thuộc một phần diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ) và xét công nhận (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo quy định của pháp luật.

Từ khi UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo thực hiện Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002 thì UBND phường N nhận đơn yêu cầu đo đạc lại diện tích của bà V đề ngày 30/12/2019. Ngày 06/02/2020, UBND phường N đã mời bà V để làm việc về nội dung bà đề nghị đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đóng thuế cho Nhà nước.

Ngày 10/3/2020, UBND phường N cử bộ phận địa chính phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố 2 đo đạc lại hiện trạng thửa đất của bà V để có cơ sở hướng dẫn bà V lập thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 19/3/2020, UBND phường N mời bà V để thông báo kết quả đo đạc về chiều dài các cạnh và diện tích cụ thể cho bà V biết. Bà V thống nhất với số liệu đo nhưng xin phép về hội ý cùng gia đình, có thống nhất với số liệu đo đạc là 55,3m<sup>2</sup> hay không mới tiếp tục tiến hành làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/3/2020, UBND phường N nhận được đơn chuyển của Ban Tiếp công dân thị xã chuyển đơn của bà V với nội dung không thống nhất với nội dung đo của cán bộ địa chính là 55,2m<sup>2</sup> vì lúc bà mua với diện tích 75m<sup>2</sup>.

Ngày 10/4/2020, UBND phường N mời bà V đến để làm việc các nội dung liên quan trong đơn do Ban Tiếp công dân thị xã chuyển đến. Sau đó, bà V đã thống nhất rút đơn yêu cầu, khi nào bà có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tiếp tục đến UBND phường N thông qua công chức địa chính để được hướng dẫn theo quy định.

Do vậy, việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 nêu trên sau khi thu hồi của UBND huyện Đ là hành vi trái pháp luật là không đúng vì sau khi thực hiện dự án ADB.3, bà V liên tục có đơn tranh chấp với gia đình bà Hoàng Thị C, khiếu nại đòi quyền sử dụng đất, được UBND huyện và UBND tỉnh giải quyết tại các Quyết định như đã nêu và đến năm 2017 đã được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002 tại Công văn số 3463/UBND-NC ngày 12/6/2017 thì thửa đất mới đủ điều kiện pháp lý để thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2020 bà mới có đơn yêu cầu đo đạc lại diện tích đất của bà và đã được UBND

phường N tổ chức làm việc như đã nêu trên.

Ngoài dự án ADB.3, hộ bà V bị ảnh hưởng thì không còn dự án nào khác nên cũng không có dự án mương thoát nước làm ảnh hưởng đến diện tích đất, nhà cửa, vật kiến trúc của hộ bà V. Đối với dự án mở rộng quốc lộ 1A vào năm 2014 thì dự án này không đi qua địa phận phường N nên đương nhiên hộ bà V cũng không bị ảnh hưởng. Do đó, việc bà V trình bày hộ gia đình bà bị ảnh hưởng bởi dự án mương thoát nước trước nhà của bà là không có cơ sở.

Vì vậy, UBND thị xã Đ đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị V.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường N, thị xã Đ trình bày:*

UBND phường N nhận đơn yêu cầu đo đạc lại diện tích của bà V đề ngày 30/12/2019, sau đó ngày 06/02/2020, UBND phường đã mời bà V để làm việc về nội dung cụ thể bà V yêu cầu đo đạc để làm gì thì được bà V đề nghị đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đóng thuế cho Nhà nước.

Ngày 10/3/2020, UBND phường cử bộ phận địa chính phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố 2 xuống đo đạc lại hiện trạng thửa đất của bà V để lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 19/3/2020, UBND phường mời bà V để thông báo kết quả đo đạc về chiều dài các cạnh và diện tích cụ thể cho bà V biết, bà V thống nhất với số liệu đo nhưng xin phép về hội ý cùng gia đình, có thống nhất với số liệu đo đạc là 55,3m<sup>2</sup> hay không mới tiếp tục tiến hành làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/3/2020, UBND phường nhận được đơn chuyển của Ban Tiếp công dân thị xã Đ chuyển đơn của bà V với nội dung không thống nhất với nội dung đo của cán bộ địa chính là 55,2m<sup>2</sup> vì lúc bà mua với diện tích 75m<sup>2</sup>. Ngày 10/4/2020, UBND phường có mời bà V đến để làm việc các nội dung liên quan trong đơn do Ban Tiếp công dân chuyển đến. Sau đó, bà đã thống nhất rút đơn yêu cầu.

Thời gian sau đó, bà Nguyễn Thị H là con gái của bà V có trao đổi với bộ phận địa chính là mẹ bà chưa thống nhất với kết quả đo đạc và tạm thời dừng thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bà V để gia đình bà thỏa thuận mua phần đất phía sau rồi mới tiếp tục thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bà V. Do đó, thủ tục làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận dừng cho đến nay.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị V về việc:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và không chi trả tiền bồi thường cho bà Tô Thị V do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi và hành vi chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND thị xã Đ phải cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho bà Tô Thị V theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/3/2023, bà Tô Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì bà cho rằng chưa nhận tiền bồi thường, chưa được cung cấp hồ sơ bồi thường. Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm vì tại phiên tòa bà yêu cầu buộc UBND thị xã Đ bồi thường thiệt hại do hành vi chậm chi trả tiền bồi thường gây ra là trong phạm vi khởi kiện; Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Tô Thị V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà V yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm vì cho rằng yêu cầu buộc UBND thị xã Đ bồi thường thiệt hại cho bà do hành vi chậm chi trả tiền bồi thường gây ra là trong phạm vi khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/02/2023, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng thời bổ sung thêm nhiều yêu cầu khởi kiện, trong đó có yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc UBND thị xã Đ bồi thường thiệt hại cho bà



V do hành vi chậm chi trả tiền bồi thường gây ra, với số tiền là 14.683.746đồng. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện tại phiên toà là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 173 của Luật Tổ tụng Hành chính, không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ.

[2] Đối với kháng cáo của bà V yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và không chi trả tiền bồi thường cho bà do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi và hành vi chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, là hành vi hành chính trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn thị xã Đ được UBND thị xã Đ giao phòng Quản lý đô thị lưu giữ hồ sơ. Theo tài liệu do các đương sự cung cấp thì hồ sơ bồi thường hộ bà V gồm có: hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản kiểm kê tổng hợp, biên bản đền bù, hỗ trợ đất và tài sản bị ảnh hưởng bởi dự án. Riêng hồ sơ chi trả tiền bồi thường đối với hộ bà V đã thất lạc, không tìm thấy. Hộ bà V có diện tích đất ở bị ảnh hưởng nằm trong hành lang giải toả là 0,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, loại đất ở thuộc thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ); được đền bù, hỗ trợ về đất đai, tài sản và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 9.534.900đồng. Tại Biên bản kiểm kê tổng hợp ngày 17/6/2000; Biên bản đền bù, hỗ trợ về đất đai và tài sản của hộ bà V ngày 20/9/2000 do Ban giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1 huyện Đ lập đều có bà V chứng kiến và thống nhất ký vào biên bản. Tại Biên bản làm việc với TAND tỉnh Quảng Ngãi ngày 22/9/2022 và tại phiên toà ngày 03/11/2022, bà V thừa nhận bà đã nhận đủ số tiền 9.534.900đồng bồi thường, hỗ trợ đối với dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ theo Biên bản đền bù, hỗ trợ về đất đai và tài sản ngày 20/9/2000. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà V khẳng định bà V đã bàn giao mặt bằng. Mặt khác, theo trình bày của UBND thị xã Đ, UBND phường N và kết quả xác minh tại UBND phường N thì tại thời điểm năm 2000, khi triển khai thực hiện dự án, tất cả các hộ dân đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, trong đó có hộ bà V. Từ năm 2003 đến nay, hộ bà V không có ý kiến, khiếu nại gì liên quan đến dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1, giai đoạn 2000-2003. Như vậy, UBND thị xã Đ đã cung cấp hồ sơ bồi thường và đã chi trả tiền bồi thường cho bà V do thu hồi đất của bà tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và

cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ) nên Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu tuyên bố hành vi chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 của UBND huyện Đ, là hành vi hành chính trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà V với bà Hoàng Thị C đã được UBND huyện Đ giải quyết tại Quyết định số 14/QĐ-UB ngày 16/01/2001 và UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002. Ủy ban nhân dân thị xã Đ và UBND phường N đều cho rằng thửa đất số 76C, thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2 và thửa đất số 152, tờ bản đồ số 26 là cùng một thửa đất và do bà V quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Quá trình thực hiện Quyết định số 115, bà V làm đơn xin sử dụng diện tích đất 25,12m<sup>2</sup>. Bà cho rằng diện tích đất này không phải của bà C, bà là người có nhu cầu sử dụng nên đề nghị giao 25,12m<sup>2</sup> đất cho bà. Ngày 12/6/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 3463/UBND-NC về việc chỉ đạo thực hiện Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, không công nhận nội dung khiếu nại của bà V đòi quyền sử dụng đất 25,12m<sup>2</sup>. Ngày 30/12/2019, bà V có đơn yêu cầu đo đạc lại diện tích gửi UBND phường N. Ngày 06/02/2020, UBND phường N mời bà V đến làm việc về nội dung đơn của bà. Tại buổi làm việc, bà V yêu cầu UBND phường N tiến hành đo đạc, xác định diện tích thực tế của thửa đất số 76C. Ủy ban nhân dân phường N đã tiến hành đo đạc lại hiện trạng thửa đất có mặt bà V và đã mời bà V đến làm việc đồng thời thông báo kết quả đo đạc. Tại buổi làm việc, bà V thống nhất với kết quả đo đạc nhưng bà xin hội ý cùng gia đình để thống nhất diện tích đo đạc. Ngày 26/3/2020, bà lại có đơn gửi UBND thị xã Đ với nội dung không thống nhất với diện tích đo đạc của UBND phường N. Tại buổi làm việc với UBND phường N ngày 10/4/2020, bà V đồng ý diện tích đo đạc của thửa đất số 152, tờ bản đồ số 26, diện tích 55,3m<sup>2</sup>, bà rút đơn yêu cầu và không khiếu nại gì; đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số liệu trên, khi nào bà có nhu cầu thì bà đến UBND phường N để thực hiện theo quy định. Tại Biên bản làm việc với TAND tỉnh Quảng Ngãi ngày 22/9/2022, bà V thừa nhận: sau khi UBND phường N làm việc với bà vào ngày 10/4/2020 đến nay, bà không đến UBND phường N, UBND thị xã Đ để nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51. Mặt khác, UBND phường N, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thị xã Đ đều khẳng định từ tháng 4/2020 đến nay, các cơ quan này đều không nhận được đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51 của bà V. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà V thừa nhận do không đồng ý với kết quả đo đạc thực tế nên đến nay bà V chưa làm hồ sơ đăng ký,

kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Như vậy, bà V chưa nộp hồ sơ để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không thể có hành vi chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà V là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu buộc UBND thị xã Đ phải cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho bà V theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: như đã phân tích tại mục [2.1], bà V kháng cáo yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và không chi trả tiền bồi thường do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ) là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, bà V yêu cầu buộc UBND thị xã Đ phải cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường do thu hồi đất của bà để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A, giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ cho bà là không được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà V, chấp nhận quan điểm của đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Tô Thị V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Tô Thị V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị V về việc:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã Đ về việc không cung cấp hồ sơ bồi thường và không chi trả tiền bồi thường cho bà Tô Thị V do thu hồi đất của bà với diện tích 13,065m<sup>2</sup> tại thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, thị trấn Đ để thực hiện dự án khôi phục và cải tạo Quốc lộ 1A giai đoạn 2000-2003 (ADB.3) đoạn qua địa bàn huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi và hành vi chậm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ TT2, là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc UBND thị xã Đ phải cung cấp hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho bà Tô Thị V theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: bà Tô Thị V được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Kim Liên**